

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HSST

Ngày: 31/8/2022

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân

*Thẩm phán:* Ông Lê Văn Duy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Dương Thanh Bình

Bà Hồ Thị Kim Thu

Bà Huỳnh Thị Kim Xuyên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Khánh Nhi là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Phương Trà - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 28/2022/TLST-HS ngày 20/5/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2022/QĐXXST-HS ngày 08/7/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 83/HSST-QĐ ngày 22/7/2022 đối với các bị cáo:

1. Trần Q - sinh năm: 1987 tại Bình Định; nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định; chỗ ở: xxx, phường H, Tp. Q, tỉnh B; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH SX TM DV T; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Q, sinh năm 1955 và bà: Trần Thị T, sinh năm 1963; vợ: Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1990 (đã ly hôn), có 01 người con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 12/11/2019, bị Công an thành phố Q xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/12/2020. Có mặt.

2. Nguyễn Thanh S - sinh năm: 1990 tại Bình Định; nơi cư trú: Tổ nn, KV V, phường B, Tp. Q, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1959 và bà: Đinh Thị G, sinh năm 1959; có vợ:

Phan Thị Hồng L, sinh năm 1988 (đã ly hôn), có 02 người con: lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2021. Có mặt.

3. Phạm Thanh H (tên gọi khác: H Tồ) - sinh năm: 1989 tại Bình Định; nơi cư trú: Số yy Trần Thị K, KV M, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Thành V (chết) và bà: Đặng Thị S, sinh năm 1961; có vợ: Võ Thị L, sinh năm 1993 (đã ly hôn), có 01 người con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/10/2021. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Q, Phạm Thanh H:* Ông Hồ Văn H - Luật sư hoạt động tại Văn phòng luật sư H thuộc đoàn Luật sư tỉnh B (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh S:* Bà Nguyễn Trần Phương T - Luật sư hoạt động tại Văn phòng luật sư Nguyễn T thuộc đoàn Luật sư B (có mặt)

- *Người bị hại:*

1. Ông Đinh Hoàng B, sinh năm 1986; trú tại: ff K, phường A, Quận B, Tp. H (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Tuấn G, sinh năm 1969; trú tại: Tổ h, KV c, phường T, Tp. Q (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phan Văn T, sinh năm 1993; trú tại: bb N, KV K, phường B, thị xã A, tỉnh B (vắng mặt)

2. Ông Trần Mai S, sinh năm 1974; trú tại: Lô hh Bùi Thị N, tổ 7, KV 1, phường N, Tp. Q, tỉnh B (vắng mặt)

3. Bà Lê Thị Thúy T, sinh năm 1991; trú tại: Tổ bb, KV n, phường, Tp. Q, tỉnh B (có mặt)

4. Bà Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1991; trú tại: MM, phường H, Tp. Q, B (có mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Hoàng C, sinh năm 1983 (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Ái P, sinh năm 1984 (vắng mặt)

3. Ông Trần Vĩnh L, sinh năm 1992 (vắng mặt)

4. Bà Trần Lê Thảo V, sinh năm 1992 (vắng mặt)

5. Bà Phạm Lê Khánh L, sinh năm 1994 (vắng mặt)

6. Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1994 (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Q cùng với Nguyễn Thanh S và Phạm Thanh H có quan hệ làm ăn quen biết với nhau, nhưng do làm ăn thua lỗ và áp lực phải trả nợ cho nhiều người nên Trần Q và Nguyễn Thanh S đã gặp nhau trao đổi, thống nhất sẽ liên lạc tìm người cho vay tiền số lượng lớn, rồi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt trong quá trình thực hiện các thủ tục vay, trả tiền thông qua tài khoản tại ngân hàng. Trong các ngày 20 và 23/11/2020, S điều khiển xe ô tô 77A-155.06 (S mượn của Lê Thị Thúy T - là người sống như vợ chồng với S) chở Q đã đến Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh B - Phòng giao dịch P để mở tài khoản số xxx cho Công ty TNHH Sản xuất, thương mại và dịch vụ T (gọi tắt là Công ty T - đăng ký kinh doanh tại địa chỉ: xxx, phường H, Tp. Q, tỉnh B - do Trần Q làm Giám đốc) và đăng ký dịch vụ Banking qua số điện thoại có số thuê bao 09xxxxxx của Q. Sau đó, Q đã liên lạc với một đối tượng tên là “Đ” ở TP H (không xác định được lai lịch, địa chỉ) và trao đổi thỏa thuận để vay số tiền trên 03 tỷ đồng. Vì không có số lượng tiền lớn để cho Q vay nên Đ đã liên lạc với anh Nguyễn Thành C (là nhân viên của Công ty TNHH Đầu tư thiết kế xây dựng địa ốc N có trụ sở tại số xx, phường yy, Quận B, TP H) tìm người có tiền cho Q vay để được hưởng hoa hồng. Do C có quen biết với anh Đinh Hoàng B làm dịch vụ cho vay tiền trong ngày để giải ngân tại ngân hàng, nên C liên lạc với anh B trao đổi về việc cho Q vay tiền. Sau khi trao đổi, anh B đồng ý cho Q vay tiền trong ngày, đồng thời phải thực hiện việc giao nhận tiền qua tài khoản và chuyển trả ngay sau đó với lãi suất 0,2%, phía người vay phải chi phí đi lại. Ngày 25/11/2020, Đ thông báo thống nhất cho Q vay với số tiền là 3.074.500.000 đồng (Ba tỷ không trăm bảy mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) và hẹn ngày 26/11/2020 sẽ có người ra TP Q gặp giao dịch với Q. Cũng trong ngày 25/11/2020, Đ cho C số điện thoại của Q để C liên lạc với Q; nhưng do Q cho biết cần phải chuyển trả lại tiền từ Công ty của Q cho một Công ty cụ thể để thể hiện có việc làm ăn với nhau bằng Ủy nhiệm chi chứ không chuyển trả tiền cho cá nhân anh B, nên C đã trao đổi và được sự đồng ý của Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư thiết kế xây dựng địa ốc L (gọi tắt là Công ty L) để cho C đại diện Công ty L sẽ nhận tiền của Q chuyển trả, rồi sau đó C sẽ chuyển trả lại tiền cho anh B và Q phải chi trả tiền bồi dưỡng cho Công ty L, thì Q đồng ý.

Sau đó, Trần Q gặp và nói cho Nguyễn Thanh S biết vào ngày 26/11/2020 anh Nguyễn Hoàng C và anh Đinh Hoàng B sẽ đến TP Q thực hiện việc thỏa thuận vay, trả tiền tại Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh B - Phòng giao dịch P. Cả hai đã bàn bạc, thống nhất cụ thể việc chiếm đoạt tiền của anh Đinh Hoàng B bằng thủ đoạn: Khi anh Đinh Hoàng B đến TP Q thì Q là người trực tiếp thực hiện việc giao dịch vay tiền với anh B, anh B sẽ tiến hành làm thủ tục chuyển tiền vào tài khoản Công ty của Q mở tại Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh B - Phòng giao dịch P và Q cũng chuẩn bị sẵn tờ Ủy nhiệm chi tiền chuyển trả lại tiền cho anh B, để anh B tin và thực hiện việc chuyển tiền vào tài khoản của Q; đợi khi anh B chuyển tiền vào tài khoản của Q xong thì Q sẽ giả vờ đi ra cửa nghe điện

thoại rồi bỏ chạy khỏi ngân hàng và không đưa tờ Ủy nhiệm chi chuyển tiền trả lại cho anh B nhằm chiếm đoạt tài sản; đồng thời cả hai sẽ rủ Phạm Thanh H tham gia và H sẽ dùng xe mô tô đứng đợi sẵn chờ Q chạy ra khỏi ngân hàng thì chở Q tẩu thoát; còn S sẽ sử dụng điện thoại của Q có số thuê bao 0973562078 đã đăng ký dịch vụ Banking thực hiện thao tác chuyển tiền đến các tài khoản khác sau khi chiếm đoạt. Sáng ngày 26/11/2020, Trần Q, Nguyễn Thanh S và Phạm Thanh H cùng đến uống cà phê tại quán cà phê gần Cây xăng B, thuộc phường T, TP Q, tỉnh B. Tại đây, Q, S rủ H tham gia và cùng nhau bàn bạc, thống nhất việc thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh Đinh Hoàng B như Q và S đã bàn bạc vào ngày 25/11/2020, thì H đồng ý. Tại đây, Q giao xe mô tô 77C1-nnnn (xe này Q thuê của ông Nguyễn Tuấn G để sử dụng đi lại) cho H để buổi chiều sẽ chở Q tẩu thoát như đã bàn bạc; sau đó, S và H đi về nhà H ở phường B, thị xã A ăn giỗ; H chạy xe mô tô ra thị trấn D, huyện T, tỉnh B gửi, rồi lên xe ô tô 77A-1xxx do S điều khiển chạy về nhà H. Sau khi ăn giỗ xong, S điều khiển xe ô tô chở H quay trở lại nơi gửi xe mô tô để lấy xe và có nhắc lại cho H biết đầu giờ chiều cùng ngày Q sẽ làm việc với anh B tại ngân hàng và H sẽ điều khiển xe mô tô đợi sẵn để chở Q tẩu thoát như đã bàn bạc lúc sáng.

Cũng trong ngày 26/11/2020, anh Đinh Hoàng B và anh Nguyễn Thành C từ TP H ra TP Q, tỉnh B liên lạc và gặp Q thống nhất việc vay, trả tiền tại Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh tỉnh B - Phòng giao dịch P vào đầu giờ chiều cùng ngày. Theo thỏa thuận giữa anh B và Q thì khi hoàn tất giao dịch chuyển tiền vào tài khoản số 0400xxxxxx của Công ty T do Q làm Giám đốc thì Q sẽ giao Ủy nhiệm chi cho giao dịch viên ngân hàng làm thủ tục chuyển tiền vào tài khoản số 13310000053233 của Công ty L mở tại Ngân hàng Đ Việt Nam - Chi nhánh N, TP H để trả lại tiền. Khoảng 13<sup>h</sup>03' cùng ngày, Trần Q đến Ngân hàng TMCP - Chi nhánh tỉnh B - Phòng giao dịch P trước, anh Đinh Hoàng B và anh Nguyễn Hoàng C đến sau. Tại đây, anh B tiến hành làm thủ tục Ủy nhiệm chi chuyển số tiền 3.074.500.000 đồng (Ba tỷ không trăm bảy mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) từ tài khoản số 060208128909 của anh Đinh Hoàng B, mở tại Ngân hàng TMCP Sài - Chi nhánh A, TP H vào tài khoản số 0400xxxxxx của Công ty và Q chuẩn bị trước tờ Ủy nhiệm chi chuyển trả tiền để anh B tin tưởng là Q sẽ thực hiện theo như thỏa thuận. Nhưng sau khi anh B thực hiện việc chuyển tiền cho Q xong thì Q không đưa tờ Ủy nhiệm chi cho giao dịch viên ngân hàng làm thủ tục ủy nhiệm chi chuyển trả tiền cho anh B, mà giả vờ nghe điện thoại và đi ra phía cửa của Phòng giao dịch P rồi bỏ chạy leo lên xe mô tô do Phạm Thanh H điều khiển đợi sẵn chở tẩu thoát. Lúc này, S ở ngoài ngân hàng cũng sử dụng điện thoại của Q thực hiện việc chuyển tiền chiếm đoạt được thông qua ứng dụng Banking chuyển số tiền 111.111.111 đồng (Một trăm mười một triệu một trăm mười một ngàn một trăm mười một đồng) vào tài khoản số 0400xxxxxx, chủ tài khoản là Công ty TNHH Sản xuất thương mại P, mở tại Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh B (gọi tắt là Công ty G - đăng ký kinh doanh tại địa chỉ: xxx đường T, phường B, thị xã A, tỉnh B - do Phạm Thanh H làm Giám đốc và Nguyễn Thanh S làm Phó Giám đốc - tài khoản này do Sơn quản lý, sử dụng). Sau đó, S tiếp tục

chuyển số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) vào tài khoản số 0431000252121 của S, mở tại Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Q.

Khi Q bỏ chạy thì anh B đuổi theo nhưng không kịp, nên quay lại Phòng giao dịch P yêu cầu phong tỏa tài khoản số 0400xxxxxx Công ty của Q. Lúc này, Phòng giao dịch P đã tiến hành phong tỏa, hỗ trợ, hướng dẫn anh B báo cáo với cơ quan Công an và thông báo chỉ phong tỏa tài khoản tạm thời. Còn H chờ Q bỏ chạy và sau đó cả hai gửi xe mô tô tại một nhà nghỉ ở xã P, huyện T, tỉnh B, rồi thuê xe taxi cùng nhau vào thị xã S, tỉnh P và điện thoại thông báo cho S điều khiển xe ô tô chạy đến đón Q, H để cùng đi và thành phố N, tỉnh K. Nghe vậy, Sơn điều khiển xe ô tô 77A-1xxxx chạy vào thị xã S đón Q và H. Sau đó, S sử dụng ứng dụng Banking tiếp tục chuyển tiền thì phát hiện tài khoản Công ty T của Q bị ngân hàng phong tỏa không chuyển được tiền, nên khi đến thành phố T, tỉnh P thì S đã điều khiển xe ô tô đến Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh P, để Q đi vào ngân hàng và điện thoại yêu cầu Phòng giao dịch P giải phong tỏa tài khoản của Q. Vào buổi tối cùng ngày, anh B chưa kịp yêu cầu cơ quan Công an có văn bản phong tỏa tài khoản Công ty của Q thì Phòng giao dịch P đã giải phong tỏa tài khoản này theo yêu cầu của Q. Sau khi S chở Q, H cùng đi vào thành phố N, tỉnh K thuê khách sạn nghỉ thì S tiếp tục sử dụng ứng dụng Banking chuyển chia nhau số tiền chiếm đoạt của anh Đinh Hoàng B còn lại vào tài khoản của Q, S, H. Cụ thể thông qua ứng dụng Banking, Nguyễn Thanh S đã thực hiện việc chuyển tiền chiếm đoạt được của anh Đinh Hoàng B từ tài khoản Công ty T chia nhau như sau:

- Chuyển vào tài khoản số 0051000542583 của Trần Q, mở tại Ngân hàng TMCP N- Chi nhánh B số tiền 1.760.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng). Sau đó, Q chuyển 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) cho S để đưa cho Trần Mai S nhờ lo thương lượng với anh B và nhờ S chuyển cho Nguyễn Thị Mai H (vợ của Q đã ly hôn) số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) để trả nợ giùm cho Q; đồng thời, Q cũng nhờ H chuyển trả nợ giúp cho Q 20.000.000 đồng từ số tiền H được chia. Như vậy, tổng số tiền mà Q được chia là 1.730.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng), cộng với số tiền chiếm đoạt còn lại trong tài khoản Công ty T của Q là 3.388.889 đồng (Ba triệu ba trăm tám mươi tám ngàn tám trăm tám chín đồng) - Tổng cộng: 1.733.388.889 đồng. Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Bình Định đã phong tỏa tài khoản của Q và tạm giữ số tiền 1.531.169.047 đồng (Một tỷ năm trăm ba mươi một triệu một trăm sáu mươi chín nghìn không trăm bốn mươi bảy đồng).

- Chuyển vào tài khoản số 0431000252121 của Nguyễn Thanh S, mở tại ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Q số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng); ngoài ra, S còn lấy tài khoản số 040098484649 của Công ty P (do S quản lý, sử dụng) chuyển số tiền 111.000.000 đồng (Một trăm mười một triệu đồng) vào tài khoản của S (đây là số tiền mà Sơn đã sử dụng ứng dụng Banking chuyển từ tài khoản của Công ty T vào tài khoản của Công ty P 111.111.111 đồng sau khi chiếm đoạt tiền của anh B - hiện còn lại trong tài khoản của Công ty Phạm G là 111.111 đồng) và S còn nhận số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) của

Q để đưa cho Trần Mai S để lo thương lượng với anh B, nhưng do S không làm được nên S đã lấy lại số tiền này và chuyển cho Nguyễn Thị Mai H 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) theo lời Q nhờ, còn giữ lại 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Như vậy, tổng số tiền S được chia là 1.161.111.111 đồng (Một tỷ một trăm sáu mươi một triệu một trăm mười một ngàn một trăm mười một đồng). Sau đó, S đã sử dụng số tiền trên trả nợ, tiêu xài cá nhân và còn lại trong tài khoản 63.110.751 đồng (Sáu mươi ba triệu một trăm mười nghìn bảy trăm năm mươi một đồng), đã bị Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh B phong tỏa và tạm giữ.

- Chuyển vào tài khoản số 58110001293349 của Phạm Thanh H, mở tại Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh P số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Sau đó, H chuyển trả nợ giúp cho Q 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), nên tổng số tiền H được chia là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng). Hiện H đã tiêu xài, trả nợ cá nhân và còn lại trong tài khoản 52.657.127 đồng (Năm mươi hai triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn một trăm hai mươi bảy đồng), đã bị Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Bình Định phong tỏa và tạm giữ.

Khi đến thành phố N, cả bọn sử dụng số tiền chiếm đoạt được của anh B trả nợ cho nhiều người và tiêu xài ăn nhậu. Ngày 27/11/2020, Q và H cùng đặt vé máy bay bay ra thành phố Hà Nội, đến ngày 28/11/2020 quay lại Nha Trang thì gặp S và người quen là Trần Mai S. Tại đây, khi biết được việc Q đã thực hiện việc chiếm đoạt tiền của ông Đinh Hoàng B thì S có khuyên Q ra đầu thú và hứa sẽ gặp phía bị hại để thương lượng việc trả nợ, lo cho Q. Đến ngày 03/12/2020, Trần Q đến Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Bình Định đầu thú. Do trước đó Q đã nhờ và nghĩ Trần Mai S sẽ giúp thương lượng với anh Đinh Hoàng B và tin lời S, H sẽ kiếm tiền trả cho anh B để lo cho Q nên Q khai một mình thực hiện việc lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh B; nhưng sau đó không thấy ai lo cho mình nên Q khai ra các đồng phạm cùng tham gia là Nguyễn Thanh S và Phạm Thanh H. Đến ngày 08/10/2021, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Bình Định ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Phạm Thanh H và ngày 30/12/2021, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Bình Định bắt Nguyễn Thanh S theo Quyết định truy nã.

Ngoài ra, vào ngày 23/10/2020, Trần Q thuê xe mô tô Yamaha Sirius, biển kiểm soát 77C1-xxx của ông Nguyễn Tuấn G để sử dụng. Vào ngày 26/11/2020, Trần Q giao xe này cho Phạm Thanh H để chở Q bỏ trốn sau khi chiếm đoạt của ông Đinh Hoàng B 3.074.500.000 đồng (Ba tỷ không trăm bảy mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tại Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh B - Phòng giao dịch P. Đến ngày 03/12/2020, Q ra đầu thú và nhờ Phạm Thanh H mang xe trả lại cho ông Nguyễn Tuấn G, nhưng H không trả xe mô tô trên cho ông G mà đem cầm cố cho anh Phan Văn T lấy 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) để đánh bạc vào khoảng cuối tháng 01/2021. Ông Nguyễn Tuấn G đã làm đơn tố cáo hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của Phạm Thanh H. Ngày 07/10/2021, anh Phan Văn T đã đem chiếc xe trên giao nộp cho Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Bình Định. T

giá xe mô tô 77C1-418.55 được định giá là 7.788.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Bản cáo trạng số 34/CT-VKSBD-P2 ngày 16/5/2022 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đã truy tố các bị cáo Trần Q, Nguyễn Thanh S về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự; Bị cáo Phạm Thanh H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Trần Q, Nguyễn Thanh S, Phạm Thanh H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị: Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Trần Q, Nguyễn Thanh S về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; Bị cáo Phạm Thanh H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Q: từ 08 đến 09 năm tù; bị cáo Nguyễn Thanh S từ 08 đến 09 năm tù. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thanh H từ 07 đến 08 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; từ 06 đến 09 tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội xử phạt bị cáo Phạm Thanh H từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 09 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với số tiền 4.270.889 đồng (Bốn triệu hai trăm bảy mươi nghìn tám trăm tám chín đồng) có trong tài khoản số 040098782844 của Công ty TNHH Sản xuất, thương mại và dịch vụ T, mở tại Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh B; 63.110.751 đồng (Sáu mươi ba triệu, một trăm mười nghìn bảy trăm năm mươi một đồng) có trong tài khoản số 0431000252121 của bị can Nguyễn Thanh S, mở tại Ngân hàng TMCP N (V) - Chi nhánh Q; 52.657.127 đồng (Năm mươi hai triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn một trăm hai mươi bảy đồng) có trong tài khoản số 5810001293349 của bị can Phạm Thanh H, mở tại Ngân hàng TMCP Đ và phát triển Việt Nam (B) - Chi nhánh P – đây là số tiền các bị cáo chiếm đoạt được, tuy nhiên các bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại nên trả lại cho các bị cáo.

- Tịch thu sung công: 05 điện thoại di động của các bị cáo Trần Q, Nguyễn Thanh S, Phạm Thanh H, mà CQĐT đã thu giữ là những phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và trong gia đoạn chuẩn bị xét xử gia đình các bị cáo Trần Q, Nguyễn Thanh S, Phạm Thanh H đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại Đinh Hoàng B, ông B có đơn xin bãi nại và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên miễn xét.

Luật sư Hồ Văn H đưa ra luận cứ bào chữa cho hai bị cáo Trần Q và Phạm Thanh H: Các bị cáo Trần Q, Phạm Thanh H đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường thiệt hại cho bị hại. Bị cáo H có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có con bị bệnh bại não, hiện cháu đang sống với mẹ. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo Trần Q 07 năm 06 tháng tù; bị cáo Phạm Thanh H 07 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Luật sư Nguyễn Trần Phương T đưa ra luận cứ bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh S: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại, được bị hại làm đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo S có hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha là thương binh, bị cáo là lao động chính trong gia đình, hiện bị cáo bị bệnh thoát vị đĩa đệm. Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 06 đến 07 năm tù, với mức án này vừa đảm bảo tính răn đe vừa thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, để các bị cáo có điều kiện sớm trở về với gia đình, lao động làm ăn lương thiện.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Xuất phát từ quan hệ



làm ăn dẫn đến thua lỗ và chịu áp lực phải trả nợ cho nhiều người nên Trần Q cùng với Nguyễn Thanh S và Phạm Thanh H đã gặp nhau trao đổi, bàn bạc thống nhất tìm người cho vay tiền số lượng lớn, rồi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt. Thông qua Nguyễn Hoàng C, Trần Q liên hệ anh Đinh Hoàng B để vay tiền, anh B đồng ý cho Q vay tiền trong ngày, đồng thời phải thực hiện việc giao nhận tiền qua tài khoản và chuyển trả ngay sau đó với lãi suất 0,2%, phía người vay phải chi phí đi lại. Khoảng 13h 30' 26/11/2020, Trần Q, Đinh Hoàng B, Nguyễn Thành C đến Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh tỉnh Bình Định - Phòng giao dịch P tiến hành làm thủ tục Ủy nhiệm chi chuyển số tiền 3.074.500.000 đồng (Ba tỷ không trăm bảy mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) từ tài khoản số 060xxxxxx của anh Đinh Hoàng B, mở tại Ngân hàng TMCP S- Chi nhánh A, TP H vào tài khoản số 0400xxxx của Công ty T của Trần Q, mở tại Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh tỉnh B - Phòng giao dịch P. khi anh B thực hiện việc chuyển tiền cho Q xong thì Q không đưa tờ Ủy nhiệm chi cho giao dịch viên ngân hàng làm thủ tục ủy nhiệm chi chuyển trả tiền cho anh B, mà giả vờ nghe điện thoại và đi ra phía cửa của Phòng giao dịch P rồi bỏ chạy leo lên xe mô tô do Phạm Thanh H điều khiển đợi sẵn chờ tẩu thoát. Sau đó, S, Q, H chuyển chia nhau số tiền chiếm đoạt để trả nợ và tiêu xài. Trong đó Q chiếm đoạt 1.733.388.889 đồng. S chiếm đoạt 1.161.111.111 đồng, H chiếm đoạt 180.000.000 đồng. Ngoài ra, Trần Q giao xe mô tô 77C1 – xxx nhờ Phạm Thanh H mang xe trả lại cho ông Nguyễn Tuấn G, nhưng H không trả xe mà mang xe mô tô trên đi cầm cố cho anh Phan Văn T lấy 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) để đánh bạc. Trị giá xe mô tô trên là 7.788.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng). Như vậy, hành vi nêu trên của các bị cáo Trần Q, Nguyễn Thanh S, Phạm Thanh H phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo Phạm Thanh H còn phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự, như Bản cáo trạng số 34/CT-VKSBD-P2 ngày 16/5/2022 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo Trần Q, Nguyễn Thanh S, Phạm Thanh H đều là những công dân có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức rằng mọi hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân, tổ chức xã hội đều bị xử lý bằng pháp luật hình sự. Tuy nhiên, chỉ vì nợ nần các bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi các bị cáo gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo bằng pháp luật hình sự để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung tội phạm. Xét vai trò từng bị cáo thấy rằng, bị cáo Trần Q là người trực tiếp bàn bạc với bị cáo Nguyễn Thanh S thống nhất kế hoạch, phương thức, thủ đoạn để chiếm đoạt tiền của anh Đinh Hoàng B. Q trực tiếp hẹn gặp bị hại tại Ngân hàng và làm các thủ tục vay tiền của bị hại thông qua hình thức chuyển khoản tại ngân hàng, Q phân công cho H dùng xe mô tô do Q thuê đứng ngoài cổng Ngân hàng chờ Q chiếm đoạt được tiền rồi chờ Q tẩu thoát, trong đó Q

chiếm đoạt 1.733.388.889 đồng. Bị cáo Nguyễn Thanh S cùng với bị cáo Trần Q bàn bạc kế hoạch chiếm đoạt tài sản của anh Đinh Hoàng B, Sơn là người đề xuất rủ Phạm Thanh H tham gia thực hiện phương thức chiếm đoạt tiền của bị hại. Sau khi Q chiếm đoạt được tiền của anh B, thì S sử dụng điện thoại di động của Q thực hiện việc chuyển tiền chiếm đoạt được thông qua ứng dụng Banking chuyển tiền vào tài khoản của Q, S, H để chia nhau tiêu xài và trả nợ, trong đó S chiếm đoạt 1.161.111.111 đồng. Xét tính chất, mức độ tham gia trong vụ án thì bị cáo Q và bị cáo S có vai trò như nhau nên cần phải xử phạt các bị cáo mức án ngang bằng nhau là phù hợp.

Bị cáo Phạm Thanh H thống nhất phương án theo sự phân công của bị cáo Q, bị cáo sử dụng xe mô tô của Q thuê làm phương tiện chở Q tẩu thoát sau khi Q chiếm đoạt được tiền của anh Đinh Hoàng B. Trong vụ án này bị cáo tham gia với vai trò giúp sức tích cực và chiếm đoạt của bị hại 180.000.000 đồng. So với hai bị cáo Q và S thì bị cáo H có vai trò thấp hơn nên mức án áp dụng thấp hơn hai bị cáo Q và S. Đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” trị giá tài sản bị cáo H chiếm đoạt không lớn, tài sản đã được thu hồi trả cho bị hại, nên cân nhắc xử phạt bị cáo mức án khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[4.1] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trần Q, Nguyễn Thanh S, Phạm Thanh H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện để bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả và được bị hại bãi nại. Bị cáo S hiện bị bệnh thoát vị đĩa đệm, cha bị cáo tham gia cách mạng. Bị cáo H có con bị bệnh bại não nên các bị cáo Trần Q, Nguyễn Thanh S, Phạm Thanh H đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, nên hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo dưới khung hình phạt, trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn điều luật cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo thành người lương thiện.

[4.2] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trần Q, Nguyễn Thanh S, Phạm Thanh H trước khi thực hiện hành vi phạm tội đã bàn bạc, thống nhất phương thức, thủ đoạn và phân công cùng nhau thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của bị hại nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội có tổ chức” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và trong gia đoạn chuẩn bị xét xử gia đình các bị cáo Trần Q, Nguyễn Thanh S, Phạm Thanh H đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại Đinh Hoàng B, ông B có đơn xin bãi nại và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Phần xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 4.270.889 đồng (Bốn triệu hai trăm bảy mươi nghìn tám trăm tám chín đồng) có trong tài khoản số 040098782844 của Công ty TNHH Sản xuất, thương mại và dịch vụ T, mở tại Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh B; 63.110.751 đồng (Sáu mươi ba triệu, một trăm mười nghìn bảy trăm năm mươi một đồng) có trong tài khoản số 0431xxxxxx của bị cáo Nguyễn Thanh S, mở tại Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Q; 52.657.127 đồng (Năm mươi hai triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn một trăm hai mươi bảy đồng) có trong tài khoản số 581xxxx của bị cáo Phạm Thanh H, mở tại Ngân hàng TMCP - Chi nhánh P— đây là số tiền các bị cáo chiếm đoạt được, tuy nhiên các bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại nên theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho các bị cáo.

- 01 (một) điện thoại di động màu đen, mặt sau có chữ “SAMSUNG” có số IMEI 1: 355629113873308/01; số IMEI 2: 355630113873306/01 gắn sim số 0934702638 (không kiểm tra chất lượng bên trong); 01 (Một) điện thoại di động mặt lưng màu xanh, có chữ “OPPO” có số IMEI 1: 865222043927114; số IMEI 2: 865222043927106 gắn sim số 0889724347 và sim số 0775587668 (không kiểm tra chất lượng bên trong, phía trên và góc dưới bên trái phía trước màn hình có các vết rạn nứt); 01 (Một) điện thoại di động màu đen, mặt sau có chữ NOKIA, có số IMEI 1: 350438131898163, có số IMEI 2: 350438136898168, có gắn sim Mobifone số 0763694780 (không kiểm tra chất lượng bên trong); 01 (Một) điện thoại di động màu vàng đen, mặt sau có chữ IPHONE, có số IMEI 1: 357276098270486, có số IMEI 2: 357276098665263, có gắn sim Viettel số 0375076306 (không kiểm tra chất lượng bên trong, phía dưới góc trái và góc phải mặt trước màn hình có hai vết thủng, rạn nứt xung quanh, góc trên bên trái mặt lưng có vết bề mặt kính); 01 (Một) điện thoại di động có viền màu vàng, mặt lưng màu vàng có logo quả táo có số IMEI : 356715112267680 (không kiểm tra chất lượng bên trong) là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên theo điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí: Theo quy định tại các Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Trần Q, Nguyễn Thanh S, Phạm Thanh H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Luật sư Nguyễn Trần Phương T và luật sư Hồ Văn H đưa ra luận cứ bào chữa đề nghị hội đồng xét xử, xử phạt các bị cáo mức hình phạt không phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả do các bị cáo gây ra, nên không được hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Vấn đề khác:

- Đối với Trần Mai S: Khi gặp Trần Q tại N, K, S biết được Q chiếm đoạt tiền của anh Đinh Hoàng B thì có khuyên Q ra đầu thú và hứa sẽ gặp phía bị hại để thương lượng việc trả nợ, lo cho Q. Sau đó, Q có nhờ Nguyễn Thanh S chuyển 100.000.000 đồng để Sang lo cho Q như đã hứa. Tuy nhiên, sau đó S không làm được và trả lại cho S số tiền trên. Do đó, hành vi của S chưa đủ dấu hiệu cấu thành tội “Che giấu tội phạm” hoặc tội “Không tố giác tội phạm” cũng như không có dấu hiệu của tội “Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Định không xem xét xử lý hình sự đối với S là có cơ sở.

- Đối với Lê Thị Thúy T: Nguyễn Thanh S có chuyển 250.000.000 đồng vào tài khoản của T từ số tiền chiếm đoạt được của anh Đinh Hoàng B, nhưng S không nói rõ nguồn gốc số tiền trên mà chỉ nói T giữ dùm; sau đó S lấy lại số tiền này và sử dụng hết, nên không đủ chứng cứ xác định T biết rõ số tiền chuyển vào tài khoản của T là do S cùng đồng bọn phạm tội mà có. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Định không xem xét xử lý hình sự đối với T về tội “Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự; đối với bị cáo Trần Q, Nguyễn Thanh S.*

*Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 55 của Bộ luật hình sự; đối với bị cáo Phạm Thanh H.*

*Căn cứ vào điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106; Điều 135; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;*

*Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

### **Tuyên xử:**

1. Về tội danh: Tuyên bố các Trần Q, Nguyễn Thanh S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; bị cáo Phạm Thanh H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt: Bị cáo Trần Q 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 03/12/2020.

2.2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh S 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 30/12/2021.

2.3. Xử phạt: Bị cáo Phạm Thanh H 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành là 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 08/10/2021.

### 3. Về xử lý vật chứng:

#### 3.1 Trả lại cho các bị cáo số tiền cơ quan điều tra đã tạm giữ cụ thể:

- 4.270.889 đồng (Bốn triệu hai trăm bảy mươi nghìn tám trăm tám chín đồng) có trong tài khoản số 0400xxxx của Công ty TNHH Sản xuất, thương mại và dịch vụ T, mở tại Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh B.

- 63.110.751 đồng (Sáu mươi ba triệu, một trăm mười nghìn bảy trăm năm mươi một đồng) có trong tài khoản số 0431xxxxx của bị cáo Nguyễn Thanh S, mở tại Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Q.

- 52.657.127 đồng (Năm mươi hai triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn một trăm hai mươi bảy đồng) có trong tài khoản số 5810001293349 của bị cáo Phạm Thanh H, mở tại Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh P.

(Theo ủy nhiệm chi số 08/2022 ngày 20/6/2022 đơn vị nhận tiền Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định)

#### 3.2 Tịch thu sung công

- 01 (một) điện thoại di động màu đen, mặt sau có chữ “SAMSUNG” có số IMEI 1: 355629113873308/01; số IMEI 2: 355630113873306/01 gắn sim số 0934702638 (không kiểm tra chất lượng bên trong).

- 01 (Một) điện thoại di động mặt lưng màu xanh, có chữ “OPPO” có số IMEI 1: 865222043927114; số IMEI 2: 865222043927106 gắn sim số 0889724347 và sim số 0775587668 (không kiểm tra chất lượng bên trong, phía trên và góc dưới bên trái phía trước màn hình có các vết rạn nứt).

- 01 (Một) điện thoại di động màu đen, mặt sau có chữ NOKIA, có số IMEI 1: 350438131898163, có số IMEI 2: 350438136898168, có gắn sim Mobifone số 0763694780 (không kiểm tra chất lượng bên trong).

- 01 (Một) điện thoại di động màu vàng đen, mặt sau có chữ IPHONE, có số IMEI 1: 357276098270486, có số IMEI 2: 357276098665263, có gắn sim Viettel số 0375076306 (không kiểm tra chất lượng bên trong, phía dưới góc trái và góc phải mặt trước màn hình có hai vết thủng, rạn nứt xung quanh, góc trên bên trái mặt lưng có vết bẻ mặt kính).

- 01 (Một) điện thoại di động có viền màu vàng, mặt lưng màu vàng có logo quả táo có số IMEI : 356715112267680 (không kiểm tra chất lượng bên trong).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/7/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định).

4. Về án phí HSST: Các bị cáo Trần Q, Nguyễn Thanh S, Phạm Thanh H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo và những người tham gia tố tụng có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, những người tham gia tố tụng vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhân:**

- Vụ GDKT 1 - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Định;
- Cơ quan THAHS&HTTP Công an tỉnh Bình Định;
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Bình Định;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Định;
- Phòng KTNV&THA tỉnh Bình Định
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Hoài Xuân**



